Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 47

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ VẠN XUÂN

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Quốc lộ 32	Giáp xã Tam Nông	Nhà bà Luận, ông Sơn (ngã tư Cổ Tiết)	13.000	7.200	5.200	5.200	2.900	2.100	3.900	2.200	1.600
2		Giáp nhà bà Luận, ông Sơn (ngã tư Cổ Tiết)	Nút giao nhau đường 32 và liên vùng mới	10.000	5.500	4.000	4.000	2.200	1.600	3.000	1.700	1.200
3		Nút giao nhau đường 32 và liên vùng mới	Giáp xã Thọ Văn	10.000	5.500	4.000	4.000	2.200	1.600	3.000	1.700	1.200
4		Cầu Phong Châu	Bưu điện (bên phải đường)	13.000	7.200	5.200	5.200	2.900	2.100	3.900	2.200	1.600
5		Cầu Phong Châu	Đường rẽ xuống nhà bà Phong Đáp (khu 23 Vạn Xuân)	13.000	7.200	5.200	5.200	2.900	2.100	3.900	2.200	1.600
6		Nhà ông Trường Vân	Đường rẽ vào trụ sở Quân sự xã Vạn Xuân	10.000	5.500	4.000	4.250	2.200	1.600	3.200	1.700	1.200
7		Đường rẽ vào trụ sở Quân sự xã Vạn Xuân	Đường rẽ vào nhà văn hóa khu 6, xã Lam Sơn cũ	7.000	3.900	2.800	3.500	1.900	1.400	2.600	1.400	1.000
8		Đường rẽ vào nhà văn hóa khu 6, xã Lam Sơn cũ	Cầu Tứ Mỹ	4.800	2.600	1.900	2.000	1.100	800	1.500	830	600
9	Tỉnh lộ 315	Ngã tư Cổ Tiết	Đường rẽ ra trạm điện 110 (khu Sủng)	12.000	6.600	4.800	4.800	2.600	1.900	3.600	2.000	1.400
10		Đường rẽ ra trạm điện 110 (khu Sủng)	Đầu đê rẽ ra Sông Hồng	6.000	3.300	2.400	2.400	1.300	960	1.800	1.000	700
11		Đầu đê rẽ ra Sông Hồng	Giáp xã Hiền Quan	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
12		Điểm tiếp giáp QL 32 (ngã tư giao đường liên vùng mới)	Đường rẽ đi khu 2 xã Tam Nông	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
13		Nghĩa trang liệt sỹ xã Tam Nông	2 điểm tiếp giáp QL 32	7.500	4.100	3.000	3.000	1.700	1.200	2.300	1.200	900
14		Đập Trổ Lội	Đường rẽ vào cổng phụ trường Mỹ Văn (Hà Cửu)	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
15		Đường rẽ vào cổng phụ trường Mỹ Văn (Hà Cửu)	Hết Sân vận động xã Quang Húc cũ	7.000	3.900	2.800	2.800	1.500	1.100	2.100	1.200	800
16		Đoạn nối ĐT 315 (cầu Cây Me)	Tiếp giáp đường 315C	1.200	700	500	500	300	200	400	200	100

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
17	Tỉnh lộ 315	Sân vận động xã Quang Húc cũ	Địa giới hành chính xã Vạn Xuân - xã Thọ Văn (nhà máy gạch sông Vàng)	5.000	2.800	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
18		Đường tỉnh 315, cổng ông Quang - khu 20, xã Vạn Xuân cũ	Giáp xã Tam Nông	2.000	1.100	800	800	400	300	600	300	200
19		Đường rẽ đi UBND xã Quang Húc cũ (đường tỉnh 315C)	Điểm tiếp giáp Quốc lộ 32 (đường Tránh lũ)	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
20	Huyện lộ 72	Ranh giới 2 xã Hiền Quan - Vạn Xuân (Lam Sơn cũ)	Điểm văn hóa xã Quang Húc (ông Hoàn, khu 6, xã Quang Húc cũ)	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
21		Ngã ba nhà ông Đào Vĩnh, khu 4, xã Quang Húc cũ	Hết cầu Quang Húc	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
22	Huyện lộ 74	Đầu cầu Quang Húc (khu B)	Giáp địa giới xã Đồng Lương cũ	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
23		Nhà ông Hùng Tính khu 3 xã Quang Húc cũ	Địa giới hành chính xã Vạn Xuân-xã Thọ Văn (khu B)	1.500	800	600	600	300	200	500	300	200
24		Trường Mầm Non khu B qua nhà Ngữ Hướng	Hết nhà ông Mỹ Đa	1.200	660	480	480	260	190	360	200	140
25		Hết nhà ông Mỹ Đa	Giáp địa giới Thọ Văn (Tề Lễ cũ)	1.100	610	440	440	240	180	330	180	130
26	Đường huyện số 73 (Vạn Xuân - Bắc Sơn)	Giáp đường tỉnh 315 (Km 2+300)	Hết địa giới xã Vạn Xuân, giáp xã Hiền Quan	4.000	2.200	1.600	1.600	880	640	1.200	660	480
27	Đường liên vùng	Hết địa phận xã Đồng Lương	Nút giao ĐT315 và ĐT315C	3.000	1.650	1.200	1.200	660	480	900	500	360
28		Đường rẽ khu 2 Hương Nộn	Nút giao 32C với đường liên vùng	4.000	2.200	1.600	1.600	880	640	1.200	660	480
29	Đường Hồ Chí Minh	Địa giới hành chính Tam Nông - Vạn Xuân	Cầu Ngọc Tháp (đoạn thuộc địa phận xã Vạn Xuân cũ)	5.000	2.750	2.000	2.000	1.100	800	1.500	900	600
30	Đất ở các vị trí khác	Đất hai bên đường giao thông nông thôn Vạn Xuân - Thọ Văn (đoạn thuộc địa giới hành chính xã Vạn Xuân)		4.000	2.200	1.600	1.600	880	640	1.200	660	480
31		Đất ở Trung tâm xã, chợ, khu vực (có đường giao thông) cách về hai phía 150 m		3.000	1.650	1.200	1.200	660	480	900	500	360
32		Các tuyến đường trong Khu tái định cư cụm công nghiệp Tam Nông		2.500	1.380	1.000	1.250	550	400	1.000	410	300

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
33	Đất ở các vị trí khác	Đất giao thông nối Đoạn từ QL32 đi ĐT316 kết nối khu công nghiệp Tam Nông với khu công nghiệp Trung Hà (đường nối 2 khu công nghiệp)		5.300	2.900	2.110	2.200	1.210	880	1.760	970	700
34		Cầu Phong Châu	Điểm tiếp giáp QL 32	13.000	7.150	5.200	5.200	2.860	2.080	3.900	2.150	1.560
35		Nhánh rẽ từ Cầu Phong Châu	Trạm than địa giới xã Vạn Xuân - Tam Nông	3.000	1.650	1.200	1.250	688	500	1.000	550	400
36		Đường giao thông trục chính nội xã		790	440	320	530	290	210	400	220	160
37		Tiếp giáp QL32 (nhà ông Trương Phương)	Tiếp giáp QL32 (nhà ông Nguyên Xuân)	3.000	1.650	1.200	1.250	688	500	1.000	550	400
38		Nhà Nguyễn Thị Hoa (số tờ 22, số thửa 228)	Giáp xã Thọ Văn	2.000	1.100	800	800	440	320	600	330	240
39		Nhà Lê Anh Xuyến khu 3 (số tờ 68, số thửa 13)	NVH khu 1	2.000	1.100	800	800	440	320	600	330	240
40		Nhà ông Thành khu 6 (số tờ 16, số thửa 230)	Nhà ông Mai Phương Viên (số thửa 78, số tờ 7)	2.000	1.100	800	800	440	320	600	330	240
41		Điểm tiếp giáp ĐT 315C	Giáp ranh giới khu đô thị Quang Húc	3.000	1.650	1.200	1.200	660	480	900	500	360
42		Quốc lộ 32 nhà ông Vũ Hữu Quân khu 21	Đường rẽ đi Đảng ủy xã Vạn Xuân (Hết thửa đất số 32 tờ bản đồ 99, nhà ông Nguyễn Đình Kiệm khu 18	4.000	2.200	1.600	1.600	880	640	1.200	660	480
43	Đất ở hai bên đường thôn xóm có đường bê tông rộng 3,0 m trở lên			560	310	220	450	250	180	340	190	130
44	Đất ở hai bên đường thôn xóm có đường bê tông nhỏ hơn 3,0 m			480	260	190	384	210	150	290	160	120
45	Đất ở hai bên đường giao thông trục chính nội xã			480	260	190	384	210	150	290	160	120
*	**Khu đấu giá, khu tái định cư**											
46	Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại khu 10, xã Lam Sơn			7.000			3.500			2.800		

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
47	Khu đấu giá Đồng Đính, khu 21			15.000			7.500			6.000		
48	Khu đấu giá khu 20 Vạn Xuân (Vạn Xuân cũ)	Băng 1		5.000			2.000			1.500		
49		Băng 2		4.000			1.600			1.200		
50	Khu đấu giá khu 3 Vạn Xuân (Vạn Xuân cũ)	Băng 1		6.000			2.400			1.800		
51		Băng 2		4.800			1.920			1.440		
52	Khu đấu giá khu 10 Vạn Xuân (Lam Sơn cũ)	Băng 1		7.000			2.800			2.100		
53		Băng 2		5.600			2.240			1.680		
54	Khu TĐC dự án khu công nghiệp Tam Nông (xã Vạn Xuân cũ)	Băng 1		4.000			1.600			1.200		
55		Băng 2		3.200			1.280			960		
56	Khu TĐC dự án khu công nghiệp Tam Nông (khu 10, khu 15 xã Lam Sơn cũ)	Băng 1		4.000			1.600			1.200		
57		Băng 2		3.200			1.280			960		
58	Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại khu 6 (giai đoạn mở rộng) Quang Húc			5.000			2.000			1.500		
59	Khu TĐC đường liên vùng kết nối đường Hồ Chí Minh với QL70B, QL32C tỉnh Phú Thọ đi tỉnh Yên Bái tại khu 20, xã Vạn Xuân, tỉnh Phú Thọ	Băng 1		3.000			1.600			1.200		
60	Khu đấu giá đất đường Nối 2 khu Công nghiệp (Khu 18, khu 19 đoạn giáp đầm Đức Phong)	Băng 1		6.000			2.400			1.800		
61		Băng 2		4.800			1.920			1.440		
62	Đất tại khu vực Tái định cư thuộc dự án khu Đô thị Quang Húc			4.000			1.600			1.200		
63	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			410			330			250		